TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành, bà Hoàng Thị Bích Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Châu Bích Ng** sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 26, Tổ 8, ấp Ng2, xã Ph1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trần Việt Q,** sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 305/2, Tổ 4, ấp Th2, xã Ph1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Châu Bích Ng trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ng và anh Trần Việt Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 23-4-2014 tại UBND xã Ph1, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại địa phương và hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh Q không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn chăm lo cho gia đình, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Cả hai cùng nhau hòa giải nhiều lần nhưng không có thể giải quyết được mâu thuẫn. Từ năm 2017 đến nay chị và anh Q đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị Ng nhận thấy

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh Q

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh Th, sinh ngày 22-01-2017 và Trần Gia H, sinh ngày 27-01-2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th. Cháu H đang được anh Q và gia đình anh Q chăm sóc nên chị đồng ý giao cháu H cho anh Q nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Q không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được, nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng. Về hôn nhân: Cho chị Ng được ly hôn với anh Q. Về con chung: Giao cho chị Ng trực tiếp nuôi cháu Th và giao cháu H cho anh Q nuôi dưỡng, tạm thời chưa bên nào phải cấp dưỡng cho con. Đề nghị về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Trần Việt Q có nơi cư trú tại xã Ph1, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Châu Bích Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Q, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị Ng là nguyên đơn và anh Q là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ng và anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph1, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 23-4-2014. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét lời khai của chị Ng và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị Ng trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh Q không có trách nhiệm với gia đình nên anh chị đã không còn tình cảm và không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bản thân anh Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến chị Ng, không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị Ng và anh Q đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị Ng và anh Q có 02 người con chung là Trần Anh Th, sinh ngày 22-01-2017 và Trần Gia H, sinh ngày 27-01-2015. Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận chị Ng tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Trần Anh Th, sinh ngày 22-01-2017 và anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia H, sinh ngày 27-01-2015, tạm thời chưa ai phải cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, cháu Th do chị Ng chăm sóc, cháu H do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H đã đủ 07 (bảy) tuổi có nguyện vọng sống chung với anh Q. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho cháu H, cháu Th tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Th cho chị Ng tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu H cho anh Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm thời chị Ng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị Ng trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản

chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Bích Ng.

- Về hôn nhân: Cho chị Châu Bích Ng được ly hôn với anh Trần Việt Q.

- Về nuôi con: Giao cho chị Châu Bích Ng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Anh Th, sinh ngày 22-01-2017 và giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Gia H, sinh ngày 27-01-2015, tạm thời chưa bên nào phải cấp dưỡng cho con.

Chị Ng, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Phần tài sản chung và nợ chung của các đương sự sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Châu Bích Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Ng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002754 ngày 04-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thanh (Số 23, ngày 23-4-2014) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Đại